

THÀNH PHẦN LOÀI VÀ ĐẶC ĐIỂM PHÂN BỐ CỦA SINH VẬT NGOẠI LAI XÂM HẠI Ở HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

Hoàng Đình Trung*, Trương Văn Cường

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

* Email: hoangtrung_na_0208@yahoo.com

Ngày nhận bài: 18/8/2020; ngày hoàn thành phản biện: 27/8/2020; ngày duyệt đăng: 3/9/2020

TÓM TẮT

Bài báo công bố kết quả điều tra tổng hợp về thành phần loài sinh vật ngoại lai ở huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh trong 2 năm (2019 – 2020). Cho đến nay đã xác định được 16 loài sinh vật ngoại lai xâm hại và có nguy cơ xâm hại thuộc 15 giống, 13 họ, 11 bộ của 05 ngành: Ngọc Lan (Magnoliophyta), Nấm mốc (Oomycota), Thân mềm (Mollusca), Chân khớp (Arthropoda) và ngành Động vật có dây sống (Chordata). Trong đó, ngành Ngọc Lan có 8 loài thuộc 5 bộ, 5 họ, 7 giống. Ngành nấm mốc có 1 bộ, 1 họ, 1 giống và 1 loài. Ngành Thân mềm có 2 bộ, 2 họ, 2 giống và 2 loài. Ngành Chân khớp có 1 bộ, 2 họ, 2 giống và 2 loài. Ngành Động vật có dây sống gồm 2 bộ, 3 họ, 3 giống và 3 loài. Trong 16 sinh vật ngoại lai có mặt ở huyện Tiểu Cần, đã ghi nhận có 11 loài (chiếm 68,75%) ngoại lai xâm hại và 5 loài (chiếm 31,25%) có nguy cơ xâm hại (theo Thông tư số 35/2018/TT-BTNMT ngày 28/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường). Nghiên cứu đã xác định và đánh giá được diện tích phân bố của 05 loài xâm hại phổ biến (bèo Lục bình, ốc Brou vàng, Cá lau kiếng, nấm gây bệnh thối rễ và bọ Cánh cứng hại lá dừa) trên địa bàn huyện Tiểu Cần, gây ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi thả thủy sản.

Từ khóa: Sinh vật ngoại lai, xâm hại, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đất nước Việt Nam trải dài trên nhiều vĩ tuyến với hàng nghìn ki-lô-mét biên giới và biển. Tài nguyên đa dạng sinh học của Việt Nam phong phú, đa dạng về nguồn gen, thành phần loài và các hệ sinh thái nhưng kém bền vững dưới tác động do sự thay đổi của các yếu tố môi trường, trong đó có tác động xâm hại của các loài sinh vật ngoại lai [6]. Sinh vật ngoại lai xâm hại (SVNLXH) là loài ngoại lai lấn chiếm nơi sinh sống hoặc gây hại đối với các loài sinh vật bản địa, làm mất cân bằng sinh thái tại nơi chúng

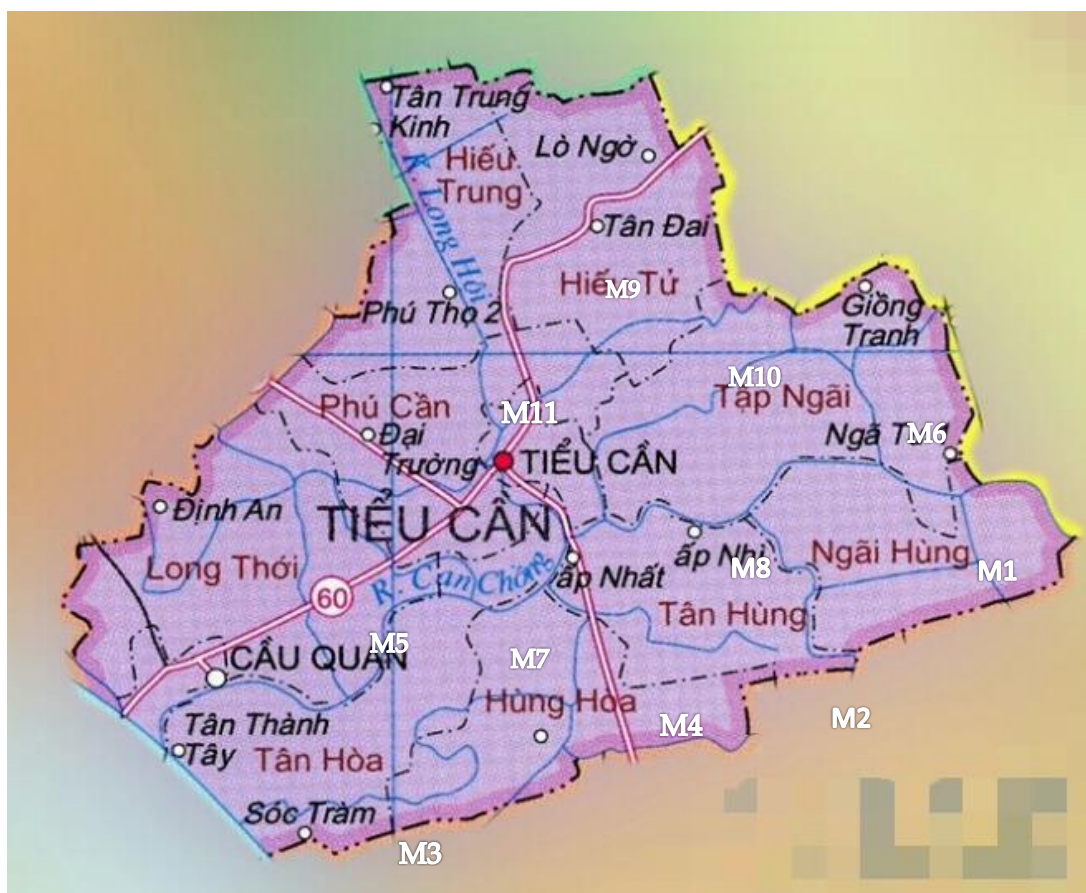
xuất hiện và phát triển. Sinh vật ngoại lai xâm hại có thể xâm nhập vào Việt Nam bằng nhiều con đường khác nhau như theo con đường nhập khẩu có chủ đích phục vụ công tác nuôi, trồng, sản xuất, kinh doanh hoặc du nhập theo con đường tự nhiên và không chủ đích của con người [9]. Trong thời gian gần đây, sinh vật ngoại lai xâm hại xuất hiện ngày càng nhiều trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, đã gây ảnh hưởng trực tiếp tới đa dạng sinh học, các ngành kinh tế, đặc biệt là các ngành nông, lâm, ngư nghiệp và sức khỏe con người.

Huyện Tiểu Cần nằm về phía Tây của tỉnh Trà Vinh, thuộc tả ngạn sông Hậu, có diện tích 22.178,23 ha gồm 2 thị trấn và 9 xã [4]. Với nhiều cù lao, kênh rạch, hệ thống sông chằng chịt nên huyện Tiểu Cần có tính đa dạng sinh học cao. Hiện nay, nhiều loài SVNLXH đã tác động tiêu cực đến môi trường và hệ sinh thái bản địa, gây hại cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp cũng như nuôi trồng thủy hải sản nhưng việc kiểm soát, đánh giá mức độ tác động, công tác quản lý các loài SVNLXH tại địa phương chưa được quan tâm, triển khai hiệu quả. Trước sự đe dọa đó cần có nghiên cứu, đánh giá về hiện trạng cũng như tác hại của các loài ngoại lai xâm hại để đề xuất giải pháp ứng phó, kiểm soát và quản lý. Tuy nhiên, công tác điều tra hiện trạng thành phần loài, đặc điểm phân bố và mức độ xâm hại của các loài SVNLXH ở huyện Tiểu Cần chưa được tiến hành. Bài báo này công bố kết quả nghiên cứu đa dạng về thành phần loài, hiện trạng phân bố SVNLXH ở huyện Tiểu Cần góp phần xây dựng cơ sở cho các đề xuất giải pháp quản lý.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng

Trong nghiên cứu này, chúng tôi tiến hành nghiên cứu về thành phần loài và đặc điểm phân bố sinh vật ngoại lai xâm hại có mặt ở huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, tập trung điều tra về các loài sinh vật ngoại lai xâm hại phổ biến và những loài có mức độ gây tác hại nghiêm trọng đến các hoạt động kinh tế xã hội. Nghiên cứu này thực hiện trên 11 điểm (ký hiệu từ M1 - M11) của 9 xã và 2 thị trấn nằm trong địa giới hành chính huyện Tiểu Cần (Hình 1).



Hình 1. Sơ đồ các điểm khảo sát, điều tra sinh vật ngoại lai xâm hại tại huyện Tiều Cần, tỉnh Trà Vinh

Ghi chú: xã Ngãi Hùng (M1); xã Tân Hùng (M2); xã Tân Hòa (M3); xã Hùng Hòa (M4); xã Long Thới (M5); xã Tập Ngãi (M6); thị trấn Cầu Quan (M7); thị trấn Tiều Cần (M8); xã Hiếu Trung (M9); xã Hiếu Từ (M10); xã Phú Cần (M11).

2.2. Thời gian nghiên cứu

Tiến hành điều tra, khảo sát thu mẫu từ tháng 12 năm 2019 đến tháng 5 năm 2020, chia thành 05 đợt nghiên cứu (Bảng 1).

Bảng 1. Thời gian, địa điểm điều tra SVNLXH ở huyện Tiều Cần, tỉnh Trà Vinh

Tần suất	Thời gian	Vùng khảo sát
Đợt 1	Từ ngày 11/12/2019 –18/12/2019	09 xã: Ngãi Hùng, Tân Hùng, Tân Hòa, Hùng Hòa, Long Thới, Tập Ngãi, Hiếu Trung, Hiếu Từ, Phú Cần 02 Thị trấn: Cầu Quan và Tiều Cần.
Đợt 2	Từ ngày 6/1/2020 - 13/1/2020	
Đợt 3	Từ ngày 27/2/2020 - 3/3/2020	
Đợt 4	Từ ngày 21/3/2020 -28/3/2020	
Đợt 5	Từ ngày 24/4/2020 - 4/5/2020	

2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Phương pháp điều tra thực địa

Khảo sát theo tuyến và vùng:

Tùy thuộc vào đối tượng ngoại lai để quan sát và lựa chọn các địa điểm và tuyến điều tra. Tại mỗi vùng khảo sát (xã/thị trấn) thực hiện 2 hoặc 3 tuyến khảo sát theo hướng Bắc - Nam và Đông - Tây, chiều dài mỗi tuyến từ 10 km - 40 km, tùy thuộc vào địa giới hành chính của từng xã, thị trấn. Trên mỗi tuyến thực hiện khảo sát 2 - 3 điểm đặc trưng. Tại mỗi điểm tiến hành thu thập mẫu vật làm tiêu bản; giám sát theo sinh cảnh phân bố, thời gian hoạt động; chụp ảnh và ghi vào sổ nhật ký thực địa; xác định khu vực phân bố của loài theo không gian và thời gian; tìm hiểu về sinh cảnh sống, sinh thái.

Sử dụng phiếu điều tra: Thu thập thông tin từ dân địa phương và các cán bộ phụ trách liên quan (Kiểm lâm, tài nguyên môi trường, bảo vệ thực vật, chăn nuôi, bảo vệ nguồn lợi thủy sản) ở những khu vực không có điều kiện khảo sát.

Phương pháp bản đồ

Phương pháp này cho phép nắm bắt một cách khái quát và nhanh chóng về khu vực nghiên cứu, từ đó vạch ra các tuyến khảo sát, các điểm khảo sát chi tiết cho từng vùng nghiên cứu. Sau khi đi thực địa và điều tra đánh giá được sự phân bố của các loài sinh vật ngoại lai sẽ lập sơ đồ phân bố cụ thể và rõ ràng.

2.3.2. Định loại mẫu và xử lý số liệu trong phòng thí nghiệm

- Xác định tên khoa học các loài động thực vật ngoại lai bằng phương pháp so sánh hình thái với các tài liệu định loại chuyên ngành. Phân loại đến bậc taxon họ, giống và loài. Cụ thể, nhóm thực vật bậc cao sử dụng các tài liệu của Nguyễn Tiến Bân (1997) [1]; Võ Văn Chi và cộng sự (1969- 1979) [3]; Phạm Hoàng Hộ (2000) [5]; Nguyễn Nghĩa Thìn (1997) [10]; nhóm động vật sử dụng tài liệu của Đặng Ngọc Thanh, Thái Trần Bái, Phạm Văn Miên (1980) [7]; Đặng Ngọc Thanh và nnk (2003) [8]; Mai Đình Yên (1978) [11].

- Xử lý số liệu: Sau khi thu thập đầy đủ thông tin và tiến hành phân tích so sánh, đối chiếu, tiến hành xử lý thống kê số liệu bằng phần mềm Excel.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Danh sách và cấu trúc thành phần loài

Đã xác định được 16 loài sinh vật ngoại lai xâm hại và có nguy cơ xâm hại (Theo Thông tư số 35/2018/TT-BTNMT ngày 28/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường) thuộc 15 giống, 13 họ, 11 bộ của 05 ngành: Ngọc Lan (Magnoliophyta), Nấm

mốc (Oomycota), Thân mềm (Mollusca), Chân khớp (Arthropoda) và ngành Động vật có dây sống (Chordata). Trong đó, ngành Ngọc Lan có 8 loài thuộc 5 bộ, 5 họ, 7 giống. Ngành nấm mốc có 1 bộ, 1 họ, 1 giống và 1 loài. Ngành Thân mềm có 2 bộ, 2 họ, 2 giống và 2 loài. Ngành Chân khớp có 1 bộ, 2 họ, 2 giống và 2 loài. Ngành Động vật có dây sống gồm 2 bộ, 3 họ, 3 giống và 3 loài (Bảng 2).

Bảng 2. Danh sách loài sinh vật ngoại lai xâm hại và có nguy cơ xâm hại ở huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Nguồn gốc xuất xứ	Ghi chú		
				A	B	C
THỰC VẬT						
	Magnoliophyta	Ngành Ngọc Lan				
I	Liliales	Bộ Thái lái				
(1)	Pontederiaceae	Họ Lục bình				
1	<i>Eichhornia crassipes</i> Mart Solms, 1883	Cây Bèo lục bình	Nam Mỹ	X		X
II	Fabales	Bộ Đậu				
(2)	Fabaceae	Họ Đậu				
2	<i>Mimosa pigra</i> Linnaeus, 1758	Cây Mai dương	Nam Mỹ	X		X
3	<i>Mimosa diplotricha</i> Wright, 1869	Cây Trinh nữ móc	Châu Mỹ	X		X
III	Asterales	Bộ Cúc				
(3)	Asteraceae	Họ Cúc				
4	<i>Ageratum conyzoides</i> Linnaeus, 1758	Cây cỏ hôi	Châu Mỹ	X		
5	<i>Chromolaena odorata</i> Linnaeus, 1758	Cây cỏ lào	Châu Mỹ	X		X
6	<i>Sphagneticola trilobata</i> Linnaeus, 1996	Cây cúc bò	Trung Mỹ		X	
IV	Caryophyllales	Bộ cẩm chướng				
(4)	Cactaceae	Họ xương rồng				
7	<i>Opuntia stricta</i> Haw, 1812	Cây xương rồng đất	Đông Bắc Mỹ		X	
V	Lamiales	Bộ Hoa môi				
(5)	Verbenaceae	Họ Cỏ roi ngựa				
8	<i>Lantana camara</i> Linnaeus, 1758	Cây Ngũ sắc	Trung Mỹ	X		
NẤM						
	Oomycota	Ngành nấm mốc				
VI	Peronosporales	Bộ nấm mốc				
(6)	Peronosporaceae	Họ nấm mốc				

Thành phần loài và đặc điểm phân bố của sinh vật ngoại lai xâm hại ở huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh

9	<i>Phytophthora cinnamomi</i> Rands	Nấm gây bệnh thối rễ	Đông Nam Á	X		
ĐỘNG VẬT						
	Mollusca	Ngành thân mềm				
VII	Mesogastropoda	Bộ chân bụng trung				
(7)	Ampullariidae	Họ Ốc nhồi				
10	<i>Pomacea canaliculata</i> Lamarck, 1828	Ốc bươu vàng	Trung và Nam Mỹ	X		X
VIII	Stylommatophora	Bộ mắt đỉnh				
(8)	Achatinidae	Họ Ốc sên				
11	<i>Achatina albopicta</i> Smith, 1878	Ốc sên Châu Phi	Châu Phi	X		
	Arthropoda	Ngành Chân khớp				
IX	Coleoptera	Bộ Cánh cứng				
(9)	Chrysomelidae	Họ Ánh kim				
12	<i>Brontispa longissima</i> (Gestro, 1885)	Bộ cánh cứng hại lá dừa	Indonesia	X		
(10)	Cerambycidae	Họ một gỗ				
13	<i>Anoplophora glabripennis</i> (Motschulsky, 1853)	Xén tóc hại gỗ châu Á	Châu Á		X	
	Chordata	Ngành động vật có dây sống				
X	Perciformes	Bộ Cá vược				
(11)	Cichlidae	Họ Cá rô phi				
14	<i>Oreochromis mossambicus</i> Peters, 1852	Cá rô phi đen	Châu Phi		X	
XI	Siluriformes	Bộ cá nheo				
(12)	Loricariidae	Họ Cá da trơn				
15	<i>Hypostomus punctatus</i> Linnaeus, 1758	Cá dọn bể/cá lau kính	Nam Mỹ	X		
(13)	Clariidae	Họ Cá trê				
16	<i>Clarias gariepinus</i> Burchell, 1822	Cá trê phi	Châu Phi		X	
Σ	16 loài thuộc 15 giống, 13 họ, 11 bộ và 5 ngành			11	5	5

Ghi chú: - “A”: Loài ngoại lai xâm hại, “B”: Loài ngoại lai có nguy cơ xâm hại, “C”: Loài ngoại lai xâm hại có mức độ xâm hại trên diện rộng hoặc số lượng lớn

Qua bảng 2 cho thấy có 8 loài thực vật ngoại lai xâm hại thuộc 1 ngành, 5 bộ, 5 họ, 7 giống trong đó có 1 loài thực vật thủy sinh và 7 loài thực vật trên cạn; 1 loài nấm thuộc 01 ngành, 1 bộ, 1 họ, 1 giống; có 7 loài động vật ngoại lai xâm hại thuộc 3 ngành, 5 bộ, 7 họ, 7 giống trong đó có 4 loài động vật thủy sinh và 3 loài động vật trên

cạn; Các loài sinh vật ngoại lai kể trên đều có trong danh mục loài ngoại lai xâm hại (11 loài) và danh mục loài ngoại lai có nguy cơ xâm hại (5 loài) theo Thông tư số 35/2018/TT-BTNMT ngày 28/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường xác định loài ngoại lai xâm hại [2].

Cấu trúc thành phần loài SVNLSXH và có nguy cơ xâm hại ở huyện Tiểu Cần gồm có 05 ngành: Ngành Ngọc Lan (Magnoliophyta) có 8 loài (chiếm 50,0 % tổng số loài), 7 giống (chiếm 46,67 % tổng số giống), 5 họ (chiếm 38,46% tổng số họ); Ngành nấm mốc (Oomycota) có 1 loài (chiếm 6,25%), 1 giống (chiếm 6,67%), 1 họ (chiếm 7,69%); Ngành Thân mềm (Mollusca) có 2 loài (chiếm 12,50%), 2 giống (chiếm 13,33%), 2 họ (chiếm 15,38%); Ngành Chân khớp có 2 loài (chiếm 12,50%), 2 giống (chiếm 13,33%), 2 họ (chiếm 15,38%); Ngành Động vật có dây sống (Chordata) có 3 loài (chiếm tỷ lệ 18,75%), 3 giống (chiếm 20,0%) và 3 họ (chiếm 23,08%) (Bảng 3).

Bảng 3. Cấu trúc thành phần loài sinh vật ngoại lai xâm hại và có nguy cơ xâm hại ở huyện Tiểu Cần

Stt	Ngành	Số loài	Tỷ lệ %	Số họ	Tỷ lệ %	Số giống	Tỷ lệ %
1	Ngành Ngọc Lan (Magnoliophyta)	8	50,00	5	38,46	7	46,67
2	Ngành nấm mốc (Oomycota)	1	6,25	1	7,69	1	6,67
3	Ngành Thân mềm (Mollusca)	2	12,50	2	15,38	2	13,33
4	Ngành Chân khớp (Arthropoda)	2	12,50	2	15,38	2	13,33
5	Ngành Động vật có dây sống (Chordata)	3	18,75	3	23,08	3	20,00
Tổng		16	100	13	100	15	100

3.2. Đặc điểm phân bố sinh vật ngoại lai xâm hại

3.2.1. Phân bố

Đã xác định 16 loài sinh vật ngoại lai xâm hại và có nguy cơ xâm hại trên địa bàn huyện Tiểu Cần, trong đó tại 09 xã của huyện Tiểu Cần đều có mặt 16 loài sinh vật ngoại lai xâm hại (chiếm 100 %). Tiếp đến thị trấn Cầu Quan có 13 loài (chiếm 81,25 %) và thị trấn Tiểu Cần có 14 loài (chiếm 87,50 %). Trong số 16 loài SVNLSXH và có nguy cơ xâm hại, ghi nhận 5 loài có vùng phân bố trên diện rộng là cây bèo Lục bình, ốc Brou vàng, Cá lau kiếng, nấm gây bệnh thối rễ và bọ Cánh cứng hại lá dừa

Bảng 4. Đặc điểm phân bố của các loài sinh vật ngoại lai xâm hại và có nguy cơ xâm hại ở huyện Tiểu Cần

Stt	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Khu vực phân bố											Số xã, thị trấn
			M1	M2	M3	M4	M5	M6	M7	M8	M9	M10	M11	
THỰC VẬT														
1	Bèo Lục bình	<i>Eichhornia crassipes</i>	+	+	+	+	+	+	-	+	+	+	+	10
2	Mai dương	<i>Mimosa pigra</i>	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	11
3	Trinh nữ móc	<i>Mimosa diplotricha</i>	+	+	+	+	+	+	-	-	+	+	+	9
4	Cỏ hôi	<i>Ageratum conyzoides</i>	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	11
5	Cỏ Lào	<i>Chromolaena odorata</i>	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	11
6	Cúc bò	<i>Sphagneticola trilobata</i>	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	11
7	Xương rồng đất	<i>Opuntia stricta</i>	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	11
8	Cây ngũ sắc	<i>Lantana camara</i>	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	11
ĐỘNG VẬT														
9	Nấm gây bệnh thối rễ	<i>Phytophthora cinnamomi</i>	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	11
10	Ốc bươu vàng	<i>Pomacea canaliculata</i>	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	11
11	Ốc sên châu Phi	<i>Achatina albopicta</i>	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	11
12	Bọ cánh cứng hại lá dừa	<i>Brontispa longissima</i>	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	11
13	Xén tóc hại gỗ châu Á	<i>Anoplophora glabripennis</i>	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	11
14	Cá rô phi đen	<i>Oreochromis mosambicus</i>	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	11
15	Cá dọn bể	<i>Hypostomus punctatus</i>	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	11
16	Cá Trê phi	<i>Clarias gariepinus</i>	+	+	+	+	+	+	-	-	+	+	+	9
Tổng số loài			16	16	16	16	16	16	13	14	16	16	16	

Ghi chú: Không gặp (-); có bắt gặp (+); xã Ngãi Hùng (M1); xã Tân Hùng (M2); xã Tân Hòa (M3); xã Hùng Hòa (M4); xã Long Thới (M5); xã Tập Ngãi (M6); thị trấn Cầu Quan

(M7); thị trấn Tiểu Cần (M8); xã Hiếu Trung (M9); xã Hiếu Tử (M10); xã Phú Cần (M11).

3.2.2. Diện tích phân bố của các loài sinh vật ngoại lai xâm hại

Các loài sinh vật ngoại lai xâm hại trên địa bàn huyện Tiểu Cần có sự phân bố khác nhau theo mật độ bắt gặp và theo từng địa phương. Qua khảo sát, đã xác định và đánh giá được diện tích phân bố của 05 loài xâm hại phổ biến: cây bèo Lục bình, ốc Brou vàng, Cá lau kiếng, nấm gây bệnh thối rữa và bọ Cánh cứng hại lá dừa đã xâm lấn trên diện tích khá lớn, ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi thả thủy sản của địa phương (Bảng 5).

Bảng 5. Ước tính diện tích xâm lấn của một số sinh vật ngoại lai xâm hại ở huyện Tiểu Cần

Đơn vị tính: ha

TT	Địa phương	Bèo Lục bình	Ốc Brou vàng	Cá lau kiếng	Nấm gây bệnh thối rữa	Bọ Cánh cứng hại lá dừa
1	Ngãi Hùng	35	50	30	135	12
2	Tân Hùng	59	60	35	140	8
3	Tân Hòa	11	70	40	90	25
4	Hùng Hòa	12	55	30	120	18
5	Long Thới	25	60	25	78	15
6	Tập Ngãi	20	70	35	165	10
7	Cầu Quan	0	5	4	10	2
8	Tiểu Cần	4	7	5	15	3
9	Hiếu Trung	44	40	15	115	16
10	Hiếu Tử	62	60	20	136	9
11	Phú Cần	42	50	30	155	17
	Tổng	314	527	269	1159	135

Do điều kiện môi trường, đặc điểm thổ nhưỡng và thủy văn có sự biến động theo không gian nên diện tích phân bố các loài sinh vật ngoại lai xâm hại và có nguy cơ xâm hại tại các điểm nghiên cứu ở huyện Tiểu Cần có những khác biệt nhất định. Diện tích tự nhiên của huyện Tiểu Cần là 22.674 ha, trong đó nấm gây bệnh thối rữa có diện tích gây hại lớn nhất 1.159 ha (chiếm 5,11 % diện tích tự nhiên toàn huyện), tiếp đến Ốc brou vàng xâm lấn 527 ha (chiếm 2,32 %), Cá lau kiếng phân bố 269 ha (chiếm 1,18 %), Bèo lục bình phân bố 14 ha (chiếm 0,06 %), Bọ cánh cứng hại lá dừa phân bố 135 ha (chiếm 0,59 %). Diện tích xâm lấn của 5 loài sinh vật ngoại lai xâm hại ở mỗi điểm nghiên cứu có sự khác biệt. Đối với loài nấm gây bệnh thối rữa có diện tích xâm lấn và gây hại cao nhất tại xã Tập Ngãi (165 ha) và thấp nhất ở thị trấn Cầu Quan (5 ha). Ốc brou vàng có đời sống gắn liền các thủy vực (ao, hồ, kênh, mương, ruộng ngập nước)

và xuất hiện nhiều nhất ở xã Tân Hòa và xã Tập Ngãi (70 ha), ít nhất ở thị trấn Cầu Quan (5 ha). Bèo Lục Bình có diện tích phân bố lớn nhất tại xã Hiếu Từ (62 ha) và không có mặt ở thị trấn Cầu Quan. Cá lau kiếng phân bố ưu thế tại xã Tân Hòa với 40 ha và ở xã thị trấn Cầu Quan chỉ có 4 ha. Bộ cánh cứng hại lá dừa có diện tích xâm lấn nhiều nhất ở xã Tân Hòa (25 ha) và phân bố thấp nhất ở thị trấn Cầu Quan (2,0 ha).

4. KẾT LUẬN

1. Đã xác định được ở huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh có 11 loài (chiếm 68,75 %) sinh vật ngoại lai xâm hại và 05 loài (chiếm 31,25%) có nguy cơ xâm hại thuộc 15 giống, 13 họ, 11 bộ của 05 ngành: ngành Ngọc Lan (Magnoliophyta), Nấm mốc (Oomycota), Thân mềm (Mollusca), Chân khớp (Arthropoda) và ngành Động vật có dây sống (Chordata). Trong đó tám loài thực vật ngoại lai (chiếm 50% tổng số loài) bao gồm một loài thực vật thủy sinh và bảy loài thực vật sống ở cạn; một loài nấm (chiếm 6,25%); bảy loài động vật ngoại lai (chiếm 43,75 % tổng số loài) bao gồm bốn loài động vật thủy sinh và ba loài trên cạn.

2. Phân bố của các loài sinh vật ngoại lai xâm hại và sinh vật ngoại lai có nguy cơ xâm hại đều có mặt trên 9 xã, 2 thị trấn của huyện Tiểu Cần. Trong 16 loài SVNLXH đã xác định 5 loài có sự xâm hại cao với mật độ và phân bố diện rộng trên địa bàn huyện Tiểu Cần là bèo Lục bình, ốc Bươu vàng, Cá lau kiếng, nấm gây bệnh thối rễ và bộ Cánh cứng hại lá dừa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Tiến Bản (1997), *Cẩm nang tra cứu và nhận biết các họ thực vật hạt kín ở Việt Nam*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, 532 trang.
- [2]. Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2018. *Thông số 35/2018/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2018 quy định tiêu chí xác định và ban hành Danh mục loài ngoại lai xâm hại*, 06 trang.
- [3]. Võ Văn Chi và cộng sự (1969 - 1979), *Cây cỏ thường thấy ở Việt Nam* (tập 1– 6). Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- [4]. Cục thống kê tỉnh Trà Vinh (2019), *Niên giám thống kê tỉnh Trà Vinh*. Nxb. thống kê Trà Vinh.
- [5]. Phạm Hoàng Hộ (2000), *Cây cỏ Việt Nam* (tập 1 - 3), Nxb. Trẻ. Tp Hồ Chí Minh.
- [6]. Hoàng Thị Thanh Nhân và nnk (2012), *Kiến thức cơ bản về sinh vật ngoại lai xâm hại*, Cục bảo tồn đa dạng sinh học – Tổng cục Môi trường, 69 trang.
- [7]. Đặng Ngọc Thanh, Thái Trần Bái, Phạm Văn Miên (1980), *Định loại Động vật không xương sống nước ngọt Bắc Việt Nam*. Nxb. Khoa học Kỹ thuật Hà Nội, 573 trang.
- [8]. Đặng Ngọc Thanh, Hồ Thanh Hải, Dương Ngọc Cường (2003), *Thành phần loài ốc nhồi (Ampullariidae Gray, 1824) ở Việt Nam*. Tạp chí Sinh học 25 (4):1-5.

- [9]. Tổng cục môi trường (2011), *Cẩm nang giới thiệu một số loài sinh vật ngoại lai xâm hại ở Việt Nam*, Hà Nội, 62 trang.
- [10]. Nguyễn Nghĩa Thìn (1997), *Cẩm nang nghiên cứu đa dạng sinh vật*, Nxb. Nông nghiệp. Hà Nội.
- [11]. Mai Đình Yên (1978), *Định loại cá nước ngọt các tỉnh phía Bắc Việt Nam*, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

DIVERSITY OF SPECIES COMPOSITION AND DISTRIBUTION OF INVASIVE ALIEN SPECIES IN TIEU CAN DISTRICT, TRA VINH PROVINCE

Hoang Dinh Trung*, Truong Van Cuong

University of Sciences, Hue University

* Email: hoangtrung_na_0208@yahoo.com

ABSTRACT

The main objective of this paper is to study the species composition and distribution of invasive alien species in Tieu Can district, Tra Vinh province. The study was carried out from December 2019 to May 2020 in 11 major sites. Sixteen alien species belonging to in 15 genera, 13 families, 11 orders of the 5 phyla: Magnoliophyta, Oomycota, Mollusca, Arthropoda and Chordata were identified in the studied area, of which there were 11 invasive alien species (68.75%) and 5 potential invasive alien species (31.25%). The study has also evaluated the distribution of five common invasive alien species in Tieu Can district that greatly affect agriculture, forestry, and aquaculture.

Keywords: invasive alien species, Tieu Can district, Tra Vinh province.



Hoàng Đình Trung sinh ngày 02/08/1982. Ông tốt nghiệp đại học năm 2005 ngành Sinh học, tốt nghiệp thạc sĩ năm 2018 và tiến sĩ năm 2012 tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế chuyên ngành Động vật học. Hiện ông đang công tác tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Đa dạng về Động vật thủy sinh; Chỉ thị sinh học môi trường nước; Đánh giá thực trạng sinh vật ngoại lai xâm hại và giải pháp phòng trừ; Đánh giá nguồn lợi động vật Thân mềm và giáp xác có giá trị kinh tế ở các thủy vực nội địa và vùng ven bờ.



Trương Văn Cường sinh ngày 01/01/1981. Ông tốt nghiệp đại học năm 2013, chuyên ngành Kinh tế - Luật, Trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh. Ông hiện đang là học viên cao học ngành Quản lý tài nguyên & Môi trường (Khóa 2018 -2020) của Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế và công tác tại Ủy ban nhân dân xã Ngãi Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.